

Số: /2023/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

**DỰ THẢO**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy định nội dung, mức hỗ trợ phát triển  
sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc chương trình  
mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025  
trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính  
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp  
luật ngày 18/6/2020;*

*Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính  
phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của  
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Hướng dẫn thực hiện hỗ trợ  
phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc  
gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Theo đề nghị của .....*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định nội dung và mức hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động-TBXH, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

**Trần Tuệ Hiền**

*Bình Phước, ngày tháng năm 2023*

**QUY ĐỊNH**

**Nội dung, mức hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp  
thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững  
giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

*(Kèm theo Quyết định số .../2023/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2023  
của Ủy ban dân tỉnh Bình Phước)*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định nội dung và mức hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước, gồm:

- Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp (gọi tắt là Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp).
- Hỗ trợ phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng.
- Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thị điểm, nhân rộng các giải pháp sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên địa bàn tỉnh; người dân sinh sống trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn. Hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 2 về Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và tiểu dự án 1 dự án 3 về hỗ trợ phát triển sản xuất lĩnh vực nông nghiệp thuộc chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Chương II  
QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 3. Nội dung hỗ trợ dự án phát triển sản xuất nông nghiệp**

1. Thực hiện hỗ trợ tập huấn kỹ thuật; hỗ trợ cán bộ đến tận hộ gia đình tư vấn chuyển giao kỹ thuật theo các lĩnh vực quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp theo các lĩnh vực sau:

a) Trồng trọt: Giống cây trồng, giá thể trồng cây, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm sinh học, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch;

b) Chăn nuôi: Con giống, chuồng trại, thức ăn chăn nuôi, vắc xin, thuốc thú y phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi, chế phẩm sinh học, hóa chất khử trùng, tiêu độc môi trường chăn nuôi, công cụ, dụng cụ sản xuất;

c) Lâm nghiệp: Giống cây trồng lâm nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón;

d) Khai thác thủy sản: Hỗ trợ dụng cụ đánh bắt;

đ) Nuôi trồng thủy sản: Hỗ trợ giống, thức ăn, vắc xin, hóa chất xử lý môi trường nuôi, chế phẩm sinh học, công cụ, dụng cụ sản xuất, lồng bè nuôi trồng thủy sản, cải tạo diện tích nuôi trồng thủy sản;

3. Hỗ trợ xây dựng, quản lý dự án và các hỗ trợ khác theo định mức kinh tế, kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

#### **Điều 4. Nội dung hỗ trợ dự án phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng**

1. Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật; hỗ trợ cán bộ đến tận hộ gia đình tư vấn chuyển giao kỹ thuật, kiến thức sản xuất nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng, sản xuất nông nghiệp an toàn, sử dụng lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng theo tài liệu hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Hỗ trợ theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 2 Điều 5 Quyết định này để phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng.

3. Hỗ trợ vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất trong sơ chế, chế biến, bảo quản lương thực, thực phẩm để nâng cao giá trị nông sản, an toàn thực phẩm và đảm bảo dinh dưỡng.

4. Hỗ trợ xây dựng, quản lý dự án và các hỗ trợ khác theo định mức kinh tế, kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

#### **Điều 5. Tập huấn, tư vấn về quản lý tiêu thụ nông sản, thị điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả**

1. Hỗ trợ xây dựng tài liệu tập huấn, tư vấn; xây dựng cẩm nang, sổ tay hướng dẫn về quản lý tiêu thụ nông sản, thị điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

2. Hỗ trợ tổ chức tập huấn, tư vấn:

a) Quản lý tiêu thụ nông sản: quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hoá, dịch vụ; truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm;

b) Thí điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả;

c) Áp dụng các tiêu chuẩn trong sản xuất và chế biến sản phẩm;

d) Chính sách, pháp luật liên quan đến hỗ trợ phát triển sản xuất, tiêu thụ nông sản; quản lý rủi ro về dịch bệnh, thiên tai, tài chính trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

đ) Các nội dung tập huấn, tư vấn khác phù hợp với địa phương và quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

3. Hỗ trợ tổ chức, quản lý các lớp tập huấn và các hỗ trợ khác theo quy định của Bộ Tài chính về quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

## **Điều 6. Mức hỗ trợ**

1. Mức hỗ trợ dự án phát triển sản xuất nông nghiệp và dự án phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng:

a) Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: Chi hỗ trợ tối đa 80% tổng chi phí thực hiện dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 70% tổng chi phí thực hiện dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn; không quá 50% tổng chi phí thực hiện dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác. Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện không quá 05 tỷ đồng/dự án, kế hoạch liên kết.

b) Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: Chi hỗ trợ tối đa 95% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khác. Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện không quá 03 tỷ đồng/dự án.

c) Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ: Hỗ trợ kinh phí thực hiện 01 dự án tối đa không quá 03 tỷ đồng. Khuyến khích bên nhận đặt hàng, các hộ gia đình, cộng đồng tham gia dự án có đóng góp đối ứng (bằng tiền, ngày công hoặc hiện vật).

d) Mức hỗ trợ từng hộ và hỗ trợ vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi cho từng dự án, đối tượng liên kết theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết trên cơ sở quy mô sản xuất thực tế và định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nhưng không quá 03 vụ hoặc không quá 03 chu kỳ sản xuất.

2. Mức hỗ trợ tập huấn, tư vấn về quản lý tiêu thụ nông sản, thị trường, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả:

Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Thông tư 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ Tài chính.

## **Chương III**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

##### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn triển khai thực hiện Quy định này. Định kỳ hàng năm tổng hợp kết quả thực hiện chính sách từ cấp huyện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

##### **2. Sở Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định phương án phân bổ do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

##### **3. Các Sở, ngành có liên quan**

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách hỗ trợ theo Quy định này đến tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể và nhân dân trên địa bàn tỉnh biết để thực hiện.

##### **4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

Triển khai thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp theo Quyết định 90/QĐ-TTg đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.

Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tình hình triển khai, kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững của huyện, thị xã, thành phố quản lý

Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các dự án trên địa bàn theo quy định về chế độ báo cáo của chương trình MTQG giảm nghèo bền vững hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

#### **Điều 8. Điều khoản thi hành**

1. Các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này nếu có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo quy định của các văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo bằng văn bản về Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.